

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 880/BDT-KHTH
V/v mời tham dự Hội thảo
do Ủy ban Dân tộc tổ chức.

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 11 năm 2015

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Y tế.

Theo nội dung Giấy mời số 138/GM-UBND ngày 18/11/2015 của Ủy ban Dân tộc về Hội thảo tham vấn dự thảo Báo cáo tổng kết các chính sách dân tộc giai đoạn 2010-2015 và Khung hệ thống chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2020 và dự thảo Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc đề nghị Ban Dân tộc tỉnh mời đại biểu của các Sở cùng tham dự Hội thảo này (có photo Giấy mời và tài liệu Hội thảo kèm theo).

Hội thảo sẽ được bắt đầu vào lúc **13:30 ngày 27/11/2015**.

Ban Dân tộc tỉnh kính đề nghị Lãnh đạo các Sở có kế hoạch tham dự Hội thảo này và xác nhận việc tham gia Hội thảo trực tiếp cho Ban Tổ chức hoặc cho Ban Dân tộc tỉnh trước ngày 22/11/2015.

Ban Dân tộc tỉnh đề nghị Lãnh đạo các Sở quan tâm, tham dự./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng: KHTH, CSDT, VP, TT&ĐB, TTr;
- Lưu: VT, Yên.

**KT TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



(Handwritten signature)
Nguyễn Vương

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *158* /GM-UBDT

Hà Nội, ngày *17* tháng 11 năm 2015

GIẤY MỜI

Hội thảo tham vấn dự thảo Báo cáo tổng kết các chính sách dân tộc giai đoạn 2011-2015 và Khung hệ thống chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2020; dự thảo Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh về việc xây dựng Khung hệ thống chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2020 và triển khai Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015, Ủy ban Dân tộc tổ chức Hội thảo tham vấn hoàn thiện Dự thảo Báo cáo tổng kết các chính sách dân tộc giai đoạn 2011-2015 và Khung hệ thống chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2020, dự thảo Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg, ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- **Chủ trì:** Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc

- **Thành phần:**

+ Đại diện Ban Chỉ đạo Tây Nguyên; đại diện một số Vụ, đơn vị Ủy ban Dân tộc;

+ Các Sở, ban, ngành: Ban Dân tộc hoặc Cơ quan làm công tác dân tộc của tỉnh mời 02 đại biểu (Lãnh đạo và chuyên viên); Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và Sở Lao động Thương binh và Xã hội (mỗi Sở, mời: 01 đại biểu).

+ Đại diện UNDP, Cơ quan viện trợ Ai Len tại Việt Nam và một số đối tác phát triển tại Việt Nam; đại diện Ban Quản lý Dự án PRPP Quốc gia; cán bộ Tiêu Dự án PRPP và một số chuyên gia.

- **Thời gian:** ngày 27, 28 tháng 11 năm 2015.

- **Địa điểm:** Nhà khách Trung ương Đảng, Số 8 Đường Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

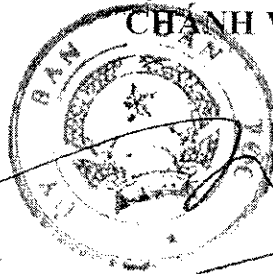
Đề nghị Ban Dân tộc hoặc Cơ quan làm công tác dân tộc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và phối hợp mời đại diện các Sở, ban, ngành của tỉnh theo thành phần trên tham dự đề Hội thảo đạt kết quả./.

(Đề nghị Ban Dân tộc tổng hợp và xác nhận đại biểu của tỉnh tham dự Hội thảo gửi về cho Ban tổ chức trước ngày 22/11/2015 theo mẫu kèm theo. (Liên hệ đ/c Hoàng Thu Giang, điện thoại: 04-37349843; Fax: 04-37349844 hoặc 0912930909, Email: gianghoang04@gmail.com).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UB (để b/c);
- TT. PCN Sơn Phước Hoan (để b/c);
- Website UBNDT;
- Lưu: VT. CSĐT (10b).

**TL. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Sỹ Tá

XÁC NHẬN ĐẠI BIỂU THAM DỰ

Hội thảo tham vấn dự thảo Báo cáo tổng kết các chính sách dân tộc giai đoạn 2011-2015 và Khung hệ thống chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2020; dự thảo Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ

Ủy ban Dân tộc đề nghị Quý cơ quan, đơn vị xác nhận đại biểu tham dự Hội thảo như sau:

STT	Họ và tên	Giới tính		Chức vụ, đơn vị công tác	Điện thoại và địa chỉ email liên hệ
		Nam	Nữ		
1					
2					
...					

Ghi chú:

1. Ban tổ chức đón tiếp đại biểu từ 15 giờ ngày 26/11/2015 tại Hội trường Nhà Khách Trung ương Đảng - số 8 đường Bạch Đằng, Quận Hai Châu, TP Đà Nẵng.

2. Ban tổ chức hỗ trợ công tác phí (ăn, ở, tiêu vặt) và hỗ trợ sắp xếp phòng nghỉ cho đại biểu tham dự Hội thảo.

Mọi thông tin liên hệ và xác nhận đại biểu tham dự hội thảo xin gửi về Vụ Chính sách Dân tộc/ Tiểu ban Quản lý Dự án hỗ trợ giảm nghèo PRPP, Ủy ban Dân tộc **trước ngày 22/11/2015**, theo thông tin liên hệ: Đ/c Hoàng Thu Giang

Điện thoại: 04-37349843; Fax: 04-37349844;
Mobile: 0912930909/0983604325; Email: gianghoang04@gmail.com

KHUNG HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH DÂN TỘC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo dự thảo Báo cáo tổng kết các chính sách dân tộc giai đoạn 2011 - 2015 ngày tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Dân tộc)

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
I NHÓM CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ						
		Đảm bảo 100% đường trục liên xã được nhựa hóa, bê tông hóa và trên 50% đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật được quy định trong Chương trình xây dựng nông thôn mới. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo; xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như: giao thông, điện, nước sinh hoạt.	Xây dựng hệ thống đường giao thông, cầu liên huyện, từ huyện đến xã, xã đến thôn bản đảm bảo đi lại quanh năm; hệ thống điện, thủy lợi phục vụ nhu cầu tưới tiêu, bệnh viện khu vực, trạm y tế, trường lớp học kiên cố đạt chuẩn, khu thương mại, dịch vụ, công trình văn hóa, du lịch... ở vùng DTTS và MN	Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (trong đó CT 135 là dự án thành phần) theo Nghị quyết số 100/2015/QH13	Vùng DTTS, ưu tiên vùng DBKK	Chủ trì: CT giảm nghèo Bộ Lao động TBXH, CT Nông thôn mới: Bộ NNPTNT. UBNDT và các Bộ ngành, các địa phương liên quan phối hợp.
1	Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng bền vững	Kết nối phát triển kinh tế xã hội giữa vùng khó khăn với vùng phát triển	Hình thành các trục giao thông huyết mạch kết nối giữa vùng sinh thái chính có nhiều đồng bào DTTS với vùng phát triển (thành phố lớn, cảng biển, sân bay, cửa khẩu quốc tế,...)	Rà soát, hoàn thiện quy hoạch, xây dựng những đề án ưu tiên phát triển giao thông (đường sắt, đường cao tốc, đường thủy)	Vùng sinh thái nông nghiệp chính, có nhiều đồng bào DTTS	Chủ trì Bộ GTVT phối hợp với Bộ KHĐT, Công thương và các Bộ ngành, địa phương liên quan

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
		Nâng cao khả năng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường	Kết nối giao thông từ các vùng chuyên canh nông sản chủ lực có nhiều đồng bào DTTS (cà phê, tiêu, điều, cao su, đồ gỗ, ...) với các trục giao thông huyết mạch, hình thành hệ thống điện phục vụ SXNN	Xây dựng các dự án ưu tiên về giao thông, cấp điện sản xuất. Sửa đổi, bổ sung Nghị định 108/2006/NĐ-CP về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đầu tư theo hướng bỏ sung các dự án đầu tư hạ tầng thương mại trên địa bàn nông thôn vào danh mục được hưởng ưu đãi đầu tư.	Vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa có nhiều đồng bào DTTS	Bộ GTVT và Bộ Công thương thực hiện, phối hợp với UBNDT, các Bộ ngành và các địa phương liên quan
		Quy hoạch quỹ đất sản xuất cho đồng bào DTTS ở những nơi thiếu đất ở	Giao đất, giao rừng. Khuyến nông khuyến lâm, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, khuyến khích doanh nghiệp, đảo tạo nghề, việc làm, xuất khẩu lao động, làng nghề....	Rà soát tổng thể quỹ đất công hiện có	Vùng DTTS có quỹ đất công	Bộ TNMT chủ trì phối hợp với Bộ NNPTNT, UBNDT, các Bộ ngành và các địa phương liên quan
				Thực hiện Nghị định 75/2015/NĐ-CP của CP về cơ chế, chính sách bao vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào DTTS giai đoạn 2015-2020 ; rà soát, sửa đổi chính sách dạy nghề theo hướng có cơ chế đặc thù cho vùng DTTS&MN; hỗ trợ khởi phục làng nghề truyền thống.	Vùng DTTS, ưu tiên vùng DBKK	Bộ LĐTBXH, Bộ NNPTNT, UBNDT và các Bộ ngành, các địa phương liên quan phối hợp thực hiện

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
2	Phát triển sản xuất	Nâng cao thu nhập đạt 75% thu nhập bình quân cả nước vào 2020, giảm nghèo bền vững, mỗi năm giảm 4% xã DBKK, 3% xã khu vực 2	Thu hút DN, đặc biệt DN vừa và nhỏ, đầu tư sản xuất, kinh doanh và sử dụng người DTTS thông qua ưu đãi đất đai, thuế, tín dụng,...	Thực hiện QĐ số 964/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015-2020; sửa đổi QĐ 23/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020", QĐ 92/2009/QĐ-TTg về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng KK, 42/2012/QĐ-TTg về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Sửa đổi NĐ 210/2013/NĐ-CP về khuyến khích DN đầu tư vào NNNT theo hướng có cơ chế đặc thù riêng cho vùng DTTS, vùng DBKK.	Vùng DTTS có điều kiện thu hút đầu tư	Chủ trì: Bộ KH&ĐT, Bộ CT, Bộ NNPTNT phối hợp với UBNDT và các Bộ ngành, các địa phương liên quan
			Hỗ trợ khởi nghiệp cho đồng bào DTTS nhất là thanh niên DTTS	Xây dựng chính sách mới	Vùng DTTS, ưu tiên vùng DBKK	
			Phát triển các hình thức hỗ trợ, phối hợp phát triển sinh kế dựa vào cộng đồng (quan lý khai thác rừng, mặt nước, đồng cỏ, phát triển du lịch, nghề thủ công,...)	Bổ sung, lồng ghép với chương trình nông thôn mới	Vùng DTTS khó phát triển DN	Các bên thực hiện CT nông thôn mới

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
3	Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch	Đạt mức tăng trưởng hàng năm về giá trị của tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ở địa bàn miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020 khoảng 10%-12%. Số lượng thương nhân, doanh nghiệp có năng lực thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại ở tại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo mỗi năm tăng trung bình 8-10% trong giai đoạn 2015-2020.	Thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư gắn với bao tiêu sản phẩm; cơ chế khuyến khích đầu tư du lịch, dịch vụ khai thác tiềm năng, lợi thế và sử dụng lao động DTTS	Chính sách ưu đãi thu hút doanh nghiệp, cơ chế ưu tiên doanh nghiệp đào tạo, sử dụng lao động người DTTS, hỗ trợ doanh nghiệp khai thác dịch vụ, du lịch;	Vùng DTTS, ưu tiên vùng DBKK	Bộ KH&ĐT chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương, Văn hóa TTDL, các Bộ, ngành và các địa phương liên quan
			Hỗ trợ xây dựng chuỗi giá trị cho những ngành hàng nông sản chủ lực (cà phê, tiêu, điều, chè,...) và những loại nông sản đặc thù (mận, ngô, gạo sứt,...) hiện còn đang gặp khó khăn về thị trường	Thực hiện QĐ 964/QĐ-TTg, lồng ghép với chương trình nông thôn mới	Các vùng sinh thái có nhiều DTTS là Tây Nguyên, Tây Bắc và Đông Bắc	Chủ trì: Bộ CT, Bộ NNPTNT, phối hợp với UBNDT và các Bộ ngành, các địa phương liên quan
Kết nối thị trường để hình thành những vùng chuyên canh sản xuất nông sản mới phù hợp với điều kiện của vùng và khả năng của đồng bào DTTS (trồng rừng và chế biến gỗ, trồng hoa, cây thuốc, bò sữa,...)	Lồng ghép với chương trình nông thôn mới, chương trình phát triển thị trường, XTMM	Vùng DTTS				
Có chính sách đặc thù khuyến khích ưu tiên cho các DN đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, dịch vụ ở các vùng DT, các huyện nghèo	Xây dựng chính sách mới	Vùng DTTS, các huyện nghèo				

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
4	Khoa học công nghệ	Tiếp tục duy trì và hỗ trợ cho các địa phương vùng DTTS&MN thực hiện các dự án chuyên giao công nghệ có tính đột phá nhằm đưa công nghệ mới phục vụ đồng bào DTTS	Đưa ra cơ sở lý luận, thực tiễn đề xuất giải pháp quản lý, tổ chức thực hiện chính sách, chương trình khoa học công nghệ (KH-CN) theo hướng giao cho địa phương và có sự tham gia của đối tượng hưởng lợi trong suốt quá trình từ lập kế hoạch, chọn địa bàn, chọn nội dung, đến đánh giá kết quả	Tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ quốc gia theo QĐ 1641/QĐ-BKHCB và đổi mới quản lý chương trình KH-CN, dự án điều tra cơ bản thường xuyên của UBNDT	Vùng DTTS đặc biệt là vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa có nhiều đồng bào DTTS	Chủ trì: Bộ Khoa học công nghệ, Bộ NNPTNT, UBNDT và các Bộ ngành, các địa phương liên quan phối hợp thực hiện.
II NHÓM CHÍNH SÁCH XÃ HỘI						
1	Y tế và chăm sóc sức khỏe		Hình thành hệ thống trạm trại để phổ biến, triển khai đồng thời hỗ trợ kỹ thuật cho ứng dụng dịch vụ KH-CN, với mục tiêu ưu tiên là đảm bảo cung cấp giống gốc, chất lượng của cây trồng, vật nuôi	Xây dựng chính sách mới	Vùng sinh thái có nhiều DTTS là Tây Nguyên, miền núi phía Bắc và TNB	
1 Y tế và chăm sóc sức khỏe						
1.1		Thu hút cán bộ chuyên môn tốt về công tác tại các tuyến xã, bệnh viện huyện và nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ y tế công tác tại tuyến y tế cơ sở;	Tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt đối với nhân lực y tế công tác tại các vùng khó khăn, vùng DTTS và miền núi	Sửa đổi bổ sung Quyết định 1544/QĐ-TTg Phê duyệt "Đề án đào tạo nhân lực y tế cho vùng khó khăn, vùng núi của các tỉnh thuộc miền Bắc và miền Trung, vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng Tây Nguyên theo chế độ cử tuyển"	Cán bộ y tế công tác tại các vùng khó khăn, vùng DTTS và miền núi	

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
1.2		Chính sách đặc thù với cô đơn thôn bản được đào tạo	Cô đơn thôn bản được đào tạo có chúng chi được hưởng các quyền lợi như y tế thôn bản làm việc tại các xã thuộc vùng khó khăn		Cô đơn thôn bản	
1.3		Bảo đảm 100% hộ nghèo tham gia BHYT; 70% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, trên 90% trạm y tế cấp xã có đủ điều kiện khám chữa bệnh. Giảm tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2020 là 27 0/00; tăng tỷ lệ các ca sinh của phụ nữ DTTS được cán bộ y tế qua đào tạo đỡ đạt trên 93%, tỷ lệ phụ nữ được khám thai trên 85%.	Tăng mức bảo hiểm y tế cho người dân nghèo vùng DTTS phù hợp với thực tế.	Sửa đổi Quyết định 75/2009/QĐ-TTg về Quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản	Người DTTS nghèo, người DTTS sống ở vùng DBKK	Bộ Y tế chủ trì phối hợp với UBNDT và các Bộ ngành, các địa phương liên quan
			Tăng cơ sở thuốc cho các trạm y tế xã, cụm thôn/bản thuộc vùng DTTS.		Vùng DTTS, ưu tiên vùng DBKK	
			Tăng kinh phí cho hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng lưu động tại thôn/bản.			
		Xây dựng chính sách nhằm nâng cao chất lượng dân số, giảm thiểu tình trạng hôn nhân cận huyết thống, tảo hôn...	Xây dựng Chính sách hỗ trợ phát triển toàn diện đối với 16 dân tộc rất ít người	Người DTTS trong 16 dân tộc rất ít người		

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
2	2.1 Hỗ trợ học sinh con hộ nghèo	Điều chỉnh, tích hợp các chính sách hỗ trợ học phí cho sinh viên, học sinh	Nghiên cứu, sửa đổi các chính sách hỗ trợ học bổng cho sinh viên, học sinh các cấp theo hướng: Hợp nhất thành một văn bản tạo điều kiện cho địa phương để đăng triển khai thực hiện. Do hiện nay các chính sách hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên đang được quy định dưới nhiều văn bản khác nhau, tạo ra chồng chéo, nguồn lực hỗ trợ dàn trải.	Tích hợp QĐ số 82/2006/QĐ-TTg về điều chỉnh mức học bổng chính sách đối với học sinh, SV là người DTTS tại các trường PTDJNT và trường dự bị ĐH; QĐ số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 về quy định CS hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS học tại các cơ sở GDDH; QĐ số 152/2007/QĐ-TTg về học bổng chính sách đối với HS, SV đang học tại các CSGD thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;	Học sinh, sinh viên người DTTS, đặc biệt DTTS rất ít người	Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với UBND và các Bộ ngành, các địa phương liên quan
		2.2 Chính sách thu hút giáo viên	Thu hút giáo viên về dạy tại các vùng DTTS	Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho giáo viên tại các vùng DTTS. Đặc biệt giáo viên người DTTS nói và dạy được tiếng DTTS	Sửa đổi các CS hỗ trợ chế độ đối với nhà giáo theo hướng: Hợp nhất các văn bản thực hiện chế độ, chính sách cho giáo viên thành một văn bản, tạo điều kiện cho địa phương dễ dàng triển khai thực hiện (Điều chỉnh sửa đổi ND số 61/2006/NĐ-CP về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện KT-XH DBKK; QĐ số 244/2005/QĐ-TTg và chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục trường TH cơ sở, TH phổ thông, các TT KT tổng hợp hướng nghiệp, TTGD thường xuyên, dạy nghề ở miền núi hải đảo, vùng sâu, vùng xa)	Giáo viên vùng DBKK

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
3	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý	Nâng cao nhận thức pháp luật của người DTTS; trợ giúp pháp lý miễn phí cho đồng bào DTTS khi tham gia tố tụng	Rà soát các chính sách tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	Sửa đổi, bổ sung QĐ số 554/2009/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào DTTS từ năm 2009-2012", 2160/QĐ-TTg phê duyệt đề án tăng cường công tác phổ biến, giáo dục PL nhằm nâng cao ý thức PL cho thanh thiếu niên giai đoạn 2011-2015, 37/2008/QĐ-TTg phê duyệt chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012 theo hướng tập trung vào hình thức tuyên truyền, phổ biến phù hợp với đặc điểm người DTTS (bằng tiếng dân tộc, bằng truyền thanh, truyền hình,...)	Vùng DTTS	
3.1			Hỗ trợ dịch vụ, tư vấn pháp lý, trợ giúp đồng bào DTTS được hưởng các quyền lợi theo pháp luật thông qua hệ thống văn phòng trợ giúp, kênh khiếu kiện các vấn đề liên quan đến PL	Sửa đổi bổ sung 52/2010/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các huyện nghèo giai đoạn 2011- 2020, 678/2011/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược phát triển trợ giúp pháp lý ở VN đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, về CS trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020, 749/QĐ-TTg phê duyệt đề án đổi mới công tác trợ giúp pháp lý giai đoạn 2015-2025	Vùng DTTS	Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với UBNDT và các DA thành viên

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
			Huy động đoàn thể, cộng đồng và chính quyền tham gia thực thi pháp luật và công bố rộng rãi Kết quả thực thi pháp luật	Sửa đổi bổ sung QĐ số 52/2010/QĐ-TTg, 678/2011/QĐ-TTg, 59/2012/QĐ-TTg, 749/QĐ-TTg	Vùng DTTS	Dự ngấm, các địa phương liên quan
			<p>- Mở rộng đối tượng áp dụng mức hỗ trợ về trợ giúp pháp lý. Thực hiện hỗ trợ pháp lý trực tiếp cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo.</p> <p>- Tăng cường năng lực cho các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý, Tư pháp xã, Tổ hòa giải để trực tiếp thực hiện hỗ trợ pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo</p>	<p>- Bổ sung đối tượng thụ hưởng theo 52/2010/QĐ-TTg.</p> <p>- Tích hợp 2 Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg và chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các huyện nghèo giai đoạn 2011 – 2020 và QĐ số 59/2012/QĐ-TTg về CS trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020 thành 01 văn bản để thống nhất về nội dung và cơ chế tài chính.</p>	Người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo và người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã thuộc vùng KK.	
3.2		Nâng cao nhận thức pháp luật cho người DTTS	Triển khai dự án phổ biến giáo dục và nâng cao nhận thức chính sách pháp luật đất đai cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư trong phạm vi cả nước; ưu tiên đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa	Tiếp tục triển khai QĐ 1892/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước ngành Quản lý đất đai giai đoạn 2011 - 2020		
4	Chính sách an sinh xã hội					
4.1	Cấp nước sạch sinh hoạt, bảo vệ môi trường sinh thái vùng DTTS và miền núi					

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
a		Trên 30% hộ DTTS sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Tuyên truyền giáo dục cộng đồng kết hợp với hỗ trợ vật tư, hướng dẫn kỹ thuật để đẩy mạnh phong trào sinh hoạt hợp vệ sinh (xây dựng nhà tắm và nguồn nước sạch, bếp hợp vệ sinh, hố xí hợp vệ sinh, không chăn nuôi trong nhà, có hố rác,...)	<p>Triển khai Chương trình điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước theo QĐ 264/QĐ-TTg.</p>	Vùng DTTS, ưu tiên vùng DBKK và rất khó khăn về nguồn nước	<p>Bộ Tài nguyên Môi trường chủ trì phối hợp với các Bộ ngành và các địa phương liên quan</p>
b		Trên 40% hộ DTTS sử dụng hố xí hợp vệ sinh	<p>Khuyến khích liên kết công tư để xây dựng các công trình cấp nước đảm bảo chất lượng, dịch vụ môi trường (thu và xử lý rác thải,...) có thu phí để duy trì bảo dưỡng</p> <p>Xây dựng hệ thống thoát nước, nghĩa trang, kiểm soát vệ sinh các khu công nghiệp, chế biến, xây dựng vùng chăn nuôi tập trung ra khỏi khu dân cư,...</p>	Sửa đổi, bổ sung QĐ 366/2012/QĐ-TTg về phê duyệt chương trình MTQG Nước sạch và Môi trường NT giai đoạn 2012-2015 đưa vào CTMTQG xây dựng NTM theo chuẩn nghèo đa chiều và các chỉ số phát triển	vùng DTTS nơi có điều kiện	<p>Bộ NNPTNT, Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với UBNDT và các Bộ ngành, các địa phương liên quan</p>

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
c		Bảo vệ môi trường, cảnh quan vùng DTTS	<p>Tuyên truyền, giáo dục, t/chức cộng đồng phối hợp với các cơ quan có liên quan để giám, loại bỏ việc sử dụng hóa chất độc hại trong sản xuất và đời sống; thu gom, tiêu hủy đúng KT các loại bao bì h.chất; nâng cao hiểu biết và áp dụng các KT canh tác an toàn.</p> <p>Quy hoạch, giám sát và có biện pháp xử lý có sự tham gia của cộng đồng đối với các hoạt động đầu tư khai thác tài nguyên (thủy điện, khai thác khoáng sản, đá, cát, khu công nghiệp đặc biệt công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến, chăn nuôi tập trung ...) và cảnh quan (khu du lịch, sân golf, nhà ở, biệt thự,....)</p>	<p>Lồng ghép với Chương trình nông thôn mới</p> <p>Xây dựng cơ chế, chế tài đối với các công trình thủy điện, khu công nghiệp, khai thác khoáng sản... tác hại đến cảnh quan và môi trường sinh thái vùng DTTS</p>	<p>Vùng DTTS</p> <p>vùng DTTS, đặc biệt vùng nhạy cảm về tài nguyên, an ninh quốc phòng</p>	<p>Bộ NNPTNT chủ trì phối hợp với các Bộ ngành, các địa phương liên quan</p>
			<p>Rà soát chính sách phát triển rừng trong vùng DTTS theo hướng tạo sinh kế phù hợp cho người DTTS đặc biệt với rừng đặc dụng và phòng hộ, tạo điều kiện để người DTTS tham gia quản lý và hưởng lợi từ tài nguyên phi gỗ của rừng, đặc biệt rừng ngập mặn và rừng tự nhiên.</p>	<p>Lồng ghép với QĐ số 1380/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án Bảo vệ và phát triển rừng vành đai biên giới giai đoạn 2011-2020, 57/QĐ-TTg Phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020, 07/2012/QĐ-TTg về ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng, 64/2012/QĐ-TTg</p>	<p>vùng DTTS, đặc biệt vùng nhạy cảm về tài nguyên, an ninh quốc phòng</p>	<p>Bộ Tài nguyên môi trường và Bộ NNPTNT chủ trì, phối hợp với UBNDT và các Bộ ngành, các địa phương liên quan</p>

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
4.2	Nhà ở	Cải thiện cơ bản về nhà ở cho người DTTS	hỗ trợ nhà ở phù hợp với đặc thù văn hóa từng vùng và điều kiện ngân sách NN từng thời kỳ	Tiếp tục thực hiện QĐ số 33/2015/QĐ-TTg Về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 và QĐ 48/2014/QĐ-TTg chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung theo hướng cải tiến cách thực hiện phù hợp đặc thù văn hóa DTTS	Người DTTS đặc biệt là người nghèo khó khăn về nhà ở	Chủ trì: Bộ xây dựng, các Bộ, ngành và các địa phương liên quan phối hợp thực hiện.
4.3	Điện thấp sáng	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo	Các hộ DTTS nghèo đều được sử dụng điện	Tiếp tục thực hiện QĐ số 28/2014/QĐ-TTg ngày 7/4/2014 của TTCP về việc quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện	Hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	Bộ CT chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương liên
5	Chính sách bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đưa thông tin về cơ sở					
5.1		100% hộ gia đình được xem truyền hình, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thu các kênh phát thanh, truyền hình kỹ thuật số;	Đẩy mạnh sử dụng tiếng dân tộc và xây dựng các nội dung phù hợp với yêu cầu, tâm lý, tập quán của người DTTS; phổ biến văn hóa cổ truyền bằng các hình thức thông tin đại chúng (truyền thanh, truyền hình, điện thoại...); hạn chế dùng báo giấy để tiếp cận với đồng bào DTTS.	Sửa đổi bổ sung QĐ 170/2003/QĐ-TTg về "Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá", 65/2008/QĐ-TTg về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, 1643/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2011 - 2015, 1598/QĐ-TTg Phê duyệt Dự án công bố, phổ biến tài sản văn hoá văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam giai đoạn II (2013 - 2017)	Vùng DTTS&MN	Bộ VH-TT-DL, Bộ Thông tin, Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương liên quan

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
		Bảo tồn phát triển văn hóa truyền thống và khai thác mang lại hiệu quả kinh tế	Tập trung vào các nội dung cần bảo tồn và phát triển giá trị truyền thống của DTTS (vật thể và phi vật thể), kiến thức bản địa trong đời sống và sản xuất, các giá trị đạo đức, tâm linh, bài trừ tệ nạn, hủ tục và văn hóa lai căng.	Rà soát, lồng ghép chính sách hiện có gồm 124/2003/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam", 1668/2008/QĐ-TTg về Ngày văn hóa dân tộc VN, 1270/2011/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án "Bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020", 1211/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012-2015, 2164/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030	Vùng DTTS&MN	Bộ VH-TT-DL chủ trì, phối hợp với UBND, các Bộ ngành, các địa phương liên quan
			Hỗ trợ tiếp cận ác dịch vụ xã hội cho đồng bào DTTS	Tiếp tục triển khai Quyết định số 72/2011/QĐ-TTg về cung ứng dịch vụ bưu chính viễn thông	Vùng DTTS&MN	Bộ Thông tin truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương liên quan
				Sửa đổi QĐ số 2472/QĐ-TTg và QĐ 1977/QĐ-TTg về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015	Vùng DTTS&MN	UBND chủ trì phối hợp với các Bộ ngành và các địa phương liên quan

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
			<p>Phối hợp với các DN để đưa các giá trị văn hóa, di sản vào hoạt động du lịch, giáo dục, dịch vụ, kinh tế đem lại lợi ích trực tiếp cho người DTTS, góp phần củng cố p.triển vốn văn hóa này.</p>	<p>Sửa đổi 24/73/QĐ-TTg Phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” 1598/QĐ-TTg Phê duyệt Dự án công bố, phổ biến tài sản văn hoá văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam giai đoạn II (2013 - 2017), lồng ghép với chương trình nông thôn mới</p>	Vùng DTTS	BỘ VHTT DL chủ trì, phối hợp với UBND, các Bộ ngành, các địa phương liên quan
5.2			<p>Cơ chế chính sách đặc thù để thu hút các nguồn đầu tư từ xã hội hóa đối với các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch cho khu vực DTTS và miền núi</p>	<p>- Có cơ chế đặc thù cho từng dự án thành phần của Đề án “Bảo tồn phát triển văn hóa các DTTS VN đến năm 2020 để ưu tiên tăng cường đầu tư hơn nữa cho các mục tiêu bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống các DTTS. - Tiếp tục thực hiện tốt các mục tiêu của chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa các DTTS tại Điều 13, 14, 15 của ND 05/2011/NĐ-CP và CTTDT.</p> <p>Thực hiện tiếp Chương trình mục tiêu về văn hóa, trong đó ưu tiên 3 mục tiêu chính: Bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể; Xây dựng các th. chế VH, thể thao CS đồng bộ theo quy chuẩn quốc gia; Nâng cao đời sống tinh thần cho BBDT; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện chính sách DT đối với đồng bào DTTS; Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.</p>		
III	NHÓM CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC					

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
1	Nâng cao thể lực					
1.1		Giảm tỷ lệ tử vong của trẻ em: Đến năm 2020, giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi là 22‰, trẻ em dưới 5 tuổi là dưới 27‰.	Bắt đầu từ sức khỏe tiền sinh sản như giáo dục sức khỏe sinh sản cho bà mẹ, thăm khám tiền sinh sản, thăm khám và chăm sóc cho bà mẹ trong giai đoạn mang thai và sinh sản (Hỗ trợ phụ nữ vùng khó khăn khám thai định kỳ và sinh con tại các cơ sở y tế; miễn phí khám thai và sinh con, hỗ trợ chi phí đi lại theo thực tế, cấp sữa bột để bổ sung dinh dưỡng)	Bổ sung QĐ số 2013/2011/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, 139/2002/QĐ-TTg về việc khám chữa bệnh cho người nghèo	Vùng DTTS, ưu tiên vùng DBKK	Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với UBNDT và các Bộ ngành, các địa phương liên quan
1.2		Tăng cường sức khỏe bà mẹ: Tăng tỷ ca sinh của phụ nữ DTTS được cân bộ y tế qua đào tạo ở trên 93%, tỷ lệ phụ nữ được khám thai ít nhất 3 lần trên 85%.	Giáo dục bà mẹ kỹ năng chăm sóc trẻ em dưới 3 tuổi để đảm bảo dinh dưỡng và sức khỏe: Trẻ em con hộ nghèo ở vùng khó khăn từ sơ sinh đến 3 tuổi được hỗ trợ dinh dưỡng “úng sữa miễn phí” với định mức 100.000đ/trẻ/tháng;	Bổ sung QĐ số 2013/2011/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, 139/2002/QĐ-TTg về việc khám chữa bệnh cho người nghèo	Vùng DTTS, ưu tiên vùng DBKK	
1.3		Tăng tỷ lệ tham gia BHYT	Hoàn thiện CSHT, đội ngũ cán bộ, trang thiết bị cho công tác y tế tại cấp xã	75/2009/QĐ-TTg Về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản	Vùng DTTS, ưu tiên vùng DBKK	
1.4			Hỗ trợ, đãi ngộ, tạo điều kiện sinh hoạt ổn định để thu hút đội ngũ cán bộ y tế có chất lượng làm việc tại địa bàn, chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ y tế người DTTS.	Rà soát, chỉnh sửa chính sách liên quan	Vùng DTTS, ưu tiên vùng DBKK	
1.5		Nâng cao kiến thức, sức khỏe gia đình	Mở rộng dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân miễn phí cho thanh niên DTTS ở vùng khó khăn và DBKK	Rà soát, chỉnh sửa chính sách liên quan	Vùng DTTS, ưu tiên vùng DBKK	

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
2	Phát triển trí lực:					
2.1	Mầm non, mẫu giáo	Từng bước xây dựng hệ thống giáo dục ở cấp mầm non và mẫu giáo tại các vùng DTTS đạt chuẩn chất lượng	Hỗ trợ trẻ em DTTS không nơi nương tựa Xây dựng CSHT và đội ngũ giáo viên có chất lượng cho bậc học mầm non, mẫu giáo ở thôn bản	Sửa đổi, bổ sung chính sách hiện có như QĐ 239/2010/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010 – 2015, 60/2011/QĐ-TTg quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011 - 2015 Bổ sung chính sách hiện có theo QĐ 2123/2010/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án Phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010 - 2015	Vùng DTTS có điều kiện, ưu tiên DTTS rất ít người	
		Trên 97% trẻ em DTTS nhập học đúng tuổi và hoàn thành bậc tiểu học; trên 92% người DTTS từ 10 tuổi trở lên biết chữ	Hoàn thiện hệ thống trường bán trú và nội trú đạt chuẩn, ưu tiên xây dựng hệ thống trường tiểu học phù hợp với điều kiện miền núi và khả năng di chuyển của trẻ em. Mở rộng các trường phổ thông dân tộc bán trú ở các huyện nghèo; tổ chức liên thông hệ trung học cơ sở và trung học phổ thông tại trường dân tộc nội trú cấp huyện;	Bổ sung QĐ số 1640/2011/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Cùng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011 - 2015, 85/2010/QĐ-TTg Ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú	Vùng DTTS	

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
2.2	Phổ thông		<p>Từng bước nâng cao chất lượng giảng dạy thông qua chính sách hỗ trợ, thu hút giáo viên đảm bảo chất lượng, ưu tiên giáo viên người DTTS</p> <p>Tuyên truyền, khuyến khích, hỗ trợ để trẻ em đi học đúng tuổi gồm miễn học phí, cấp sách vở (Nâng mức học bổng học sinh dân tộc nội trú lên bằng 100% mức lương tối thiểu, định mức hỗ trợ học sinh bán trú bằng 60% mức lương tối thiểu)</p>	<p>Điều chỉnh hỗ trợ theo chính sách hiện có như QĐ 244/2005/QĐ-TTg chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập, 2123/2010/QĐ-TTg hệ duyệt Đề án Phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010 - 2015 , 1210/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012 – 2015</p> <p>Điều chỉnh hỗ trợ theo chính sách hiện có như QĐ 82/2006/QĐ-TTg về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập; QĐ 152/2007/QĐ-TTg Về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, QĐ 157/2007/QĐ-TTg Về tin dụng đối với học sinh, sinh viên; QĐ 12/2013/QĐ-TTg quy định chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn</p>	<p>Vùng DTTS</p>	<p>Bộ Giáo dục đào tạo chủ trì, phối hợp với UBNDT và các Bộ ngành, các địa phương liên quan</p>

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
2.3	Cao đẳng, đại học	Một trường đại học đạt chuẩn/vùng sinh thái chính (Tây Nguyên, miền núi phía Bắc, Tây Nam bộ)	<p>Cùng cố, nâng cao chất lượng và điều kiện học tập giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng và mạng lưới trường trung học chuyên nghiệp</p> <p>Có chính sách phát triển bộ phận dự bị đại học ở các trường đại học để đảm bảo chất lượng sinh viên người DTTS khi bắt đầu học đại học,... thay vì áp dụng chế độ cử tuyển và ưu đãi điểm, tăng chi tiêu, quy mô tổ chức đào tạo hệ dự bị đại học cho học sinh DTTS để đảm bảo đầu vào khi xét tuyển học trình độ đại học;</p> <p>Cấp học bổng cho các đối tượng cần khuyến khích đào tạo như các dân tộc rất ít người, các lĩnh vực còn thiếu nhân lực,... (hàng học bổng cho SV DTTS tại các trường ĐH, CĐ và THCN lên mức bằng 100% lương tối thiểu; Người DTTS trong nhóm DT có c.lượng nguồn nhân lực thấp học trình độ sau ĐH, nghiên cứu sinh được miễn học phí, giáo trình, tài liệu học tập và được hỗ trợ tiền ăn, ở hàng tháng (thời gian học) bằng mức lương tối thiểu)</p>	<p>Bổ sung chính sách theo QĐ số 2010/QĐ-TTg</p> <p>Thu hẹp dần chế độ cử tuyển, bổ sung hình thức dự bị đại học vào chính sách theo QĐ số 2010/QĐ-TTg</p> <p>Điều chỉnh hỗ trợ theo chính sách hiện có theo QĐ số 82/2006/QĐ-TTg về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập; QĐ 152/2007/QĐ-TTg Về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, 12/2013/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, 66/2013/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học</p>	<p>Vùng sinh thái có nhiều đồng bào DTTS</p> <p>Vùng DTTS</p> <p>Vùng DTTS</p>	hiện

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
3			Nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, có khả năng hội nhập quốc tế cho học sinh			
3 Giáo dục - đào tạo nghề nghiệp gắn liền giải quyết việc làm						
3.1	Giáo dục nghề nghiệp gắn liền giải quyết việc làm	Cung cấp thông tin thị trường lao động, việc làm cho người trong độ tuổi lao động. Tăng cường cung cấp thông tin thị trường lao động, đẩy mạnh và mở rộng công tác tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho đồng bào DTTS. Đến năm 2020	Rà soát danh mục nghề, xây dựng c. trình, giáo trình, tài liệu và thời gian đào tạo các c. trình giáo dục nghề nghiệp phù hợp với trình độ, VH, ngôn ngữ của đồng bào DTTS và đặc điểm vùng DTTS&MN.	Thực hiện chính sách theo QĐ số 1956/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” và QĐ 971/QĐ-TTg sửa đổi bổ sung QĐ 1956/QĐ-TTg	Vùng DTTS và miền núi	Bộ LĐTBXH chủ trì phối hợp với UBNDT, các Bộ ngành và các địa phương liên quan
			Học sinh con hộ nghèo người DTTS khi học ở các CSGD nghề nghiệp được hưởng chính sách như HS DTNT	Xây dựng chính sách mới	Vùng DTTS và miền núi	Bộ LĐTBXH chủ trì phối hợp với UBNDT, các Bộ ngành và các địa phương liên quan
			Phần đầu có 50% số lao động người DTTS trong độ tuổi từ 18 đến 35 tuổi được cung cấp thông tin thị trường lao động, việc làm.	Xây dựng cơ chế phù hợp giải quyết việc làm	Vùng DTTS và miền núi	Bộ LĐTBXH chủ trì phối hợp với UBNDT, các Bộ ngành và các địa phương liên quan
Uỷ ban nhân dân cấp xã bố trí cán bộ kiêm nhiệm theo dõi công tác giáo dục nghề nghiệp và giới thiệu việc làm để thông tin, tư vấn và tổng hợp nhu cầu học nghề, cung cấp thông tin về các khóa đào tạo nghề, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp cũng như quyền lợi và trách nhiệm của người lao động đến người dân vùng DTTS			Xây dựng cơ chế chính sách mới	Vùng DTTS và miền núi	Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với Bộ LĐTBXH, UBNDT, các Bộ ngành và các địa phương liên quan	

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
3.2	Đào tạo nghề và giải quyết việc làm	Chuyển đổi nghề cho phần lớn đồng bào DTTS nghèo, không có đất sản xuất	<p>Phát triển các hình thức du lịch đa dạng tại vùng DTTS gắn chặt với cộng đồng; khuyến khích, hỗ trợ đồng bào DTTS tham gia tích cực thông qua đào tạo nghề, cho vay vốn, cung cấp thông tin, dịch vụ hỗ trợ, kết nối thị trường;...</p> <p>Phát triển ngành tiêu thụ công nghiệp có lợi thế và phù hợp với người DTTS, gắn với du lịch thông qua cho vay vốn, hỗ trợ công nghệ, thương hiệu, tiêu chuẩn, xúc tiến thương mại,... (tham khảo mô hình mỗi làng một sản phẩm)</p> <p>Phát triển một số ngành chăn nuôi có lợi thế ở miền núi (bò thịt, dê, cừu, gà bản địa,...) dựa vào công đồng (cộng đồng quản lý và phát triển đồng cỏ, rừng, mặt nước,...)</p>	<p>Xây dựng cơ chế chính sách mới</p> <p>Lồng ghép với chương trình phát triển KTXH địa phương và chính sách đất đai</p>	<p>Vùng DTTS và miền núi</p> <p>Vùng DTTS và miền núi có điều kiện sinh thái phù hợp</p> <p>Vùng DTTS và miền núi</p>	<p>Bộ LĐTB-XH chủ trì phối hợp với UBĐT và các địa phương thực hiện</p> <p>Bộ LĐTBXH chủ trì phối hợp với UBĐT</p> <p>Bộ NNPTNT chủ trì phối hợp với UBĐT, các Bộ ngành và các địa phương liên quan</p> <p>Bộ NNPTNT và Bộ Tài nguyên môi trường chủ</p>
			<p>Khoán, thuê người DTTS trả công bằng tiền hoặc lương thực để bảo tồn tài nguyên, tham gia thực hiện các nhiệm vụ công ích</p>			

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đôi tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
			Ưu tiên khoản, thuê người DTTS trong các hoạt động xây dựng CSHT, từng bước nâng cao tay nghề để chuyên nghiệp hóa lao động người DTTS	Xây dựng cơ chế chính sách mới	Vùng DTTS, ưu tiên vùng DTTS có các dự án phát triển lớn	trị, phối hợp với UBNDT và các Bộ ngành, các địa phương liên quan
4		Chính sách cần bộ người DTTS và bình đẳng giới				
4.1		Nâng cao tỷ lệ cán bộ người DTTS, ưu tiên cán bộ nữ	Xây dựng quy hoạch dài hạn và có kế hoạch, ngân sách để triển khai thực hiện cụ thể cho từng địa phương để từng bước hoàn thiện cả về số lượng và chất lượng cán bộ người DTTS. Có chính sách đào tạo thường xuyên và hình thành hệ thống đánh giá khách quan theo hiệu quả công việc để lựa chọn cán bộ người DTTS có đủ năng lực đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm tại địa phương	Bổ sung 08/2011/QĐ-TTg, 1097/QĐ-TTg, 1374/2011/QĐ-TTg, 567/QĐ-TTg, 170/QĐ-TTg, 1758/QĐ-TTg theo hướng tăng ngân sách cho những địa phương có nhu cầu cao về cán bộ người DTTS hoặc làm việc tại vùng DTTS	Vùng DTTS ưu tiên vùng ĐBKK	Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với UBNDT, các Bộ, ngành và các địa phương
				Xây dựng chính sách và tiêu chí luân chuyển cán bộ	Cán bộ làm công tác dân tộc	UBNDT chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ và các địa phương

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
		<p>Thu hút cán bộ có năng lực làm việc tại vùng DTTS và miền núi đặc biệt cán bộ người DTTS rất ít người</p>	<p>Có chính sách hỗ trợ về lương, chế độ đãi ngộ và tạo việc làm để thu hút học sinh DTTS tốt nghiệp đại học và trung học chuyên nghiệp về công tác tại vùng DTTS</p>	<p>Bổ sung QĐ 08/2011/QĐ-TTg Tăng cường cán bộ cho các xã thuộc huyện nghèo đề thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; 1097/QĐ-TTg Sửa đổi, bổ sung Dự án thí điểm tuyển chọn 600 tri thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thuộc 62 huyện nghèo được phê duyệt theo Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; 1374/2011/QĐ-TTg Phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2011 - 2015, 567/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức trẻ ở xã giai đoạn 2014 - 2020, 170/QĐ-TTg về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của cơ quan và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; 1758/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án thí điểm tuyển chọn tri thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013 - 2020 theo hướng hỗ trợ cao hơn cho cán bộ người DTTS hoặc làm việc tại vùng DTTS</p>	<p>Sinh viên, học sinh DTTS tốt nghiệp đại học, trung học chuyên nghiệp về công tác tại vùng DTTS</p>	<p>Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với UBNDT</p>

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện	
4.2			<p>Có chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn</p>	<p>Tích hợp các chế độ phụ cấp và văn bản hướng dẫn thành một văn bản chung, tạo điều kiện cho địa phương dễ thực hiện (Nghị định 116/2010/NĐ-CP về chính sách đối với CBCC, VC và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện KT-XHĐBKK; Thông tư liên tịch số 08/2011/TTLT-BNV-BTC về hướng dẫn thực hiện ND 116, trong đó quy định phụ cấp thu hút, phụ cấp công tác lâu năm; Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND và Thông tư số 83/2005/TT-BNV của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực; Thông tư 09/2005/TT-BNV của Bộ Nội vụ hướng dẫn chế độ phụ cấp đặc biệt đối với CBCC, VC và lực lượng vũ trang)</p>	<p>Rà soát lại hệ số phụ cấp đối với các vùng miền trên toàn quốc</p>	<p>Cán bộ công chức, viên chức và người hưởng lương ở vùng DTTS & MN</p>	<p>Bộ Nội vụ phối hợp với UBNDT, các Bộ ngành liên quan và các địa phương</p>
IV NHÓM CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ VÙNG DTTS VÀ MIỀN NÚI							

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
1	Chính sách đối với các dân tộc thiểu số rất ít người					
1.1	Đề án hỗ trợ phát triển KT-XH vùng các dân tộc Mông, La Hủ, Cống, Cờ Lao	Giảm tỷ lệ hộ nghèo 4 dân tộc Mông, La Hủ, Cống, Cờ Lao		<p>Tiếp tục thực hiện Quyết định 1672/QĐ-TTg Về việc phê duyệt Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc: Mông, La Hủ, Cống, Cờ Lao”</p>	vùng DTTS 4 dân tộc và 4 tỉnh thực hiện đề án	UBND chủ trì phối hợp với các Bộ ngành và các địa phương liên quan
1.2	Hỗ trợ phát triển KT-XH các DTTS rất ít người giai đoạn 2016-2025	Giảm tỉ lệ hộ nghèo 12 DTTS thuộc 93 xã của 36 huyện trên địa bàn 12 tỉnh từ 5 – 7%/năm. Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã, thực hiện phát triển sx cho 100%, phát triển giáo dục, văn hóa, y tế cho 12 DTTS ít người.	<p>-Xây dựng, hoàn thiện kết cấu CSHT tại các thôn bản phần đầu theo tiêu chí nông thôn mới.</p> <p>- Hỗ trợ phát triển sản xuất</p> <p>- Hỗ trợ phát triển giáo dục các cấp để tăng chất lượng nguồn nhân lực, tạo nguồn cán bộ dân tộc.</p> <p>- Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào và tiếp nhận văn hóa tốt đẹp giữa các dân tộc</p> <p>- Hỗ trợ cải thiện chăm sóc sức khỏe, giống nòi.</p>	Đề xuất chính sách mới	12 DTTS rất ít người thuộc địa bàn 36 huyện của 12 tỉnh vùng DTTS và miền núi	UBND chủ trì phối hợp với các Bộ ngành và các địa phương liên quan
2	Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020					

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
			<p>Cấp đất ở và hình thành cụm dân cư</p>	<p>Tích hợp, sửa đổi bổ sung vào các chính sách về đất ở theo QĐ 755/QĐ-TTg Phê duyệt Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013-2015; QĐ 29/2013/QĐ-TTg Về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015</p>		<p>UBND chủ trì phối hợp với các Bộ ngành và các địa phương liên quan</p>
			<p>Di dân khỏi các vùng có nguy cơ thiên tai lớn và các vùng nhạy cảm với môi trường (vùng lõi vườn quốc gia, khu bảo tồn, vùng dự trữ sinh quyển) đến vùng có quỹ đất và phù hợp với điều kiện sống của đồng bào DTTS.</p>	<p>Lồng ghép chính sách di dân tái định cư theo Quyết định 1776/QĐ-TTg phê duyệt "Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020; 33/2013/QĐ-TTg về việc tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015 với chương trình nông thôn mới, chương trình phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu.</p>	<p>Vùng DTTS có nguy cơ thiên tai lớn và các vùng nhạy cảm với môi trường</p>	<p>Bộ NN & PTNT chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên Môi trường, UBND và các địa phương</p>

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
2.3		Cơ bản giải quyết tình trạng thiếu nước sinh hoạt cho hộ dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở địa bàn khó khăn. Đảm bảo tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh trên 30%	Rà soát tổng thể số hộ thiếu nước sinh hoạt. Xây dựng phương án cụ thể giải quyết nước sinh hoạt cho từng hộ dân và từng cụm điểm dân cư (công trình nước sinh hoạt tập trung)	Sửa đổi QĐ số 755/QĐ-TTg phê duyệt Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013-2015	Hộ DTTS sinh sống ở vùng DTTS và miền núi; Hộ nghèo ở xã khu vực III, thôn, bản DBKK	UBND chủ trì phối hợp Bộ NNPTNT, TNMT chỉ đạo các địa phương thực hiện
2.4		Bổ trí sắp xếp dân cư nhằm ổn định đời sống, phát triển sản xuất cho các hộ còn du canh du cư, di cư không theo kế hoạch là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Rà soát thực tế số hộ DTTS còn du canh du cư, di cư không theo kế hoạch. Đối chiếu thực tế địa phương nơi hộ DTTS có dân đi và dân đến. Thực hiện quy hoạch, bố trí sắp xếp lại dân cư qua các dự án định canh định cư tập trung và xen ghép.	Sửa đổi bổ sung QĐ 33/2013/QĐ-TTg và QĐ 1342/QĐ-TTg	Số hộ cần bố trí ĐCĐC còn lại theo Quyết định số 1342/QĐ-TTg đã phê duyệt; Hộ đồng bào DTTS di cư không theo kế hoạch và chưa được quy hoạch, bố trí sắp xếp trong các chương trình, chính sách.	UBND chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch Đầu tư, Tài chính và các địa phương
2.5	Tín dụng	Tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận tốt hơn với nguồn vốn tín dụng ưu đãi.	Đối tượng thụ hưởng chính sách được vay vốn để tạo quỹ đất sản xuất, làm dịch vụ hoặc làm nghề khác để tăng thu nhập	Tích hợp, sửa đổi bổ sung QĐ 54/2012/QĐ-TTg với các QĐ tín dụng khác tại vùng DTTS và miền núi thành một mức chung phù hợp với tình hình thực tế	Hộ thiếu đất sản xuất, chuyển đổi nghề do thiếu đất sx; Hộ DTTS nghèo sinh sống tại các xã khu vực III, thôn, bản DBKK	UBND chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, NHCSXH, các Bộ ngành liên quan và các địa phương.

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
3		Giải quyết cơ bản tình trạng hộ đồng bào DTTS thiếu vốn sản xuất, kinh doanh	Tăng nguồn tín dụng ưu đãi, hình thành hệ thống dịch vụ hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn phù hợp với năng lực và tập quán của đồng bào DTTS	Tích hợp các CS cho vay đối với đồng bào DTTS thành một CS chung với định mức vay bằng tín dụng cho vay với người nghèo.	Hộ DTTS đặc biệt là hộ nghèo, cận nghèo, hộ vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn	Bộ Lao động - TB vàXH chủ trì phối hợp với UBND, Bộ Tài Chính, Ngân hàng CSXH và các Bộ ngành liên quan
3	Chính sách giảm thiểu tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống	Đảm bảo mục tiêu QĐ 498/QĐ-TTg	Nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật, chuyển đổi hành vi trong hôn nhân của đồng bào DTTS nhằm giảm thiểu, tiến tới ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực vùng DTTS&MN.	Tiếp tục thực hiện QĐ 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 Phê duyệt Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025”	Vùng đồng bào DTTS	Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, các Bộ ngành và các địa phương liên quan
V	NHÓM CHÍNH SÁCH ĐẢM BẢO AN NINH QUỐC PHÒNG VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ					

TT	Nhóm/ Lĩnh vực	Kết quả cần đạt được	Nội dung chính sách cần ưu tiên	Đề xuất xây dựng chính sách	Đối tượng/Địa bàn	Tổ chức thực hiện
1	Người có uy tín	Xây dựng, tập hợp, quản lý đội ngũ người có uy tín trong đồng bào DTTS phát huy vai trò tích cực và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc để thực hiện nhiệm vụ chính trị chung của Đảng, Nhà nước tại địa phương	Xây dựng, ban hành tiêu chí, quy trình, thủ tục xét chọn, đánh giá người có uy tín; quy định chế độ, chính sách gắn với nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và cơ chế hoạt động đối với người có uy tín trong thực hiện nhiệm vụ được giao; Phân cấp quản lý, phân công vận động và thực hiện chế độ, chính sách của người có uy tín; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan để thống nhất trong quản lý và tổ chức thực hiện chính sách người uy tín từ Trung ương đến địa phương;	Xây dựng “Chính sách vận động, tăng cường vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” thay thế Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 và Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;	Người có uy tín tại vùng DTTS và miền núi	Ủy ban Dân tộc Bộ Quốc phòng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan
2	Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị	Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh. Ổn định chính trị và trật tự xã hội, củng cố lòng tin của đồng bào DTTS	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý cán bộ người DTTS trong hệ thống chính trị và cán bộ trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc	Xây dựng cs mới	Cán bộ vùng DTTS, ưu tiên các vùng DBKK	Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với UBNDT, các Bộ, ngành và các địa phương
3	Hội nhập quốc tế về công tác dân tộc		Nâng cao tỷ lệ cán bộ DTTS, ưu tiên cán bộ nữ, cán bộ trẻ tham gia vào các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp.	Xây dựng chiến lược hội nhập QT về công tác DT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và tiếp tục triển khai Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS.	Vùng DTTS&MN	UBNDT chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành, các Tổ chức Quốc tế và các địa phương

Phụ lục ta
RÀ SOÁT CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN TẠI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

(được thể chế thông qua các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ)

(Kèm theo dự thảo Báo cáo tổng kết các chính sách dân tộc giai đoạn 2011 - 2015
 ngày tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Dân tộc)

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
1	2	3	4	5	6
A	NHÓM CHÍNH SÁCH THEO LĨNH VỰC, THEO NGÀNH				
I	Nhóm chính sách Phát triển sản xuất, tín dụng thương mại (gồm 33 Chính sách được thể chế qua 49 Quyết định của TTCP, trong đó có 16 Quyết định sửa đổi)				
1	2081/QĐ-TTg ngày 8/11/2013	Phê duyệt Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020	2013		Miền núi và hải đảo
2	68/QĐ-TTg ngày 23/02/2011	Về biểu giá bán lẻ điện	2011		Toàn quốc
3	2409/QĐ-TTg ngày 19/12/2011	Về kinh phí hỗ trợ hộ nghèo tiền điện do Thủ tướng Chính phủ ban hành	2011		Toàn quốc
4	368/QĐ-TTg ngày 12/3/2014	Phê duyệt Đề án xây dựng cầu nông thôn tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung, Tây Nguyên giai đoạn 2014 - 2020	2014		miền núi phía Bắc, miền Trung, Tây Nguyên
5	23/QĐ-TTg ngày 06/01/2010	Phê duyệt Đề án "Phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020"	2010	2020	Toàn quốc
6	176/QĐ-TTg ngày 29/01/2010	Về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020	2010	2020	Toàn quốc
7	899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị tăng và phát triển bền vững	2013		Toàn quốc
8	1690/QĐ-TTg ngày 16/9/2010	Phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành (thay thế QĐ 126/2005/QĐ-TTg)	2010		Toàn quốc
9	11/2011/QĐ-TTg ngày 18/2/2011	Chương trình khuyến khích phát triển ngành mây tre	2011		
10	1831/QĐ-TTg ngày 1/10/2010	Phê duyệt "Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi" giai đoạn 2011 - 2015 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	2011	2015	Toàn quốc
11	49/2012/QĐ-TTg ngày 08/11/2012	Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh	2012		Toàn quốc
12	01/2012/QĐ-TTg ngày 09/1/2012	Một số chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông lâm thủy sản	2012		Toàn quốc
13	1366/QĐ-TTg ngày 25/09/2008	Về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 18/3/2008 về ban hành một số chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo và ngư dân	2008		Đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo
14	162/2008/QĐ-TTg ngày 12/4/2008	Về chính sách khuyến nông, khuyến ngư ở địa bàn khó khăn	2008		
15	139/2009/QĐ-TTg ngày 23/12/2009	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 254/2006/QĐ-TTg, ngày 07/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới	2010		
16	964/QĐ-TTg ngày 30/06/2015	Phê duyệt Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020	2015		Toàn quốc
17	72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010	Ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia	2010		
18	62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013	Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn	2013		Toàn quốc
19	103/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000	Về một số chính sách khuyến khích phát triển giống thủy sản	2000		Toàn quốc
20	719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008	Chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm	2008		Toàn quốc
21	1442/QĐ-TTg ngày 23/8/2011	Sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm	2011		Toàn quốc

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
22	126/2005/QĐ-TTg ngày 1/6/2005	Về một số chính sách khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy hải sản trên biển và hải đảo	2005		Toàn quốc
23	118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007	Về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển	2007		Toàn quốc
24	107/2008/QĐ-TTg ngày 30/7/2008	Một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau, quả, chè an toàn đến năm 2015.	2008	2015	Toàn quốc
25	2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013	Sửa đổi mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP do Thủ tướng Chính phủ ban hành	2013		Toàn quốc
26	68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013	Về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (thay thế Quyết định 63/2010/QĐ-TTg và QĐ 65/2011/QĐ-TTg)	2013		Toàn quốc
27	50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014	Về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020, đối tượng được hưởng chính sách trên là các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi lợn, trâu, bò, gia cầm, trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp	2015	2020	Toàn quốc
28	985/QĐ-BNN-CN ngày 9/5/2014	Đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	2014		
29	54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012	Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015	2013	2015	Toàn quốc
30	15/2013/QĐ-TTg ngày 23/2/2013	Về tín dụng đối với hộ cận nghèo	2013		Toàn quốc
31	31/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007	Tín dụng đối với gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn	2007		Các tỉnh vùng khó khăn
32	157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007	Chính sách về tín dụng đối với học sinh, sinh viên	2007		Toàn quốc
33	92/2009/QĐ-TTg ngày 08/07/2009	Về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.	2009		Vùng khó khăn
34	579/QĐ-TTg ngày 06/05/2009	Về việc hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội	2009		Toàn quốc
35	622/2009/QĐ-TTg ngày 17/05/2009	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội	2009		Toàn quốc
36	13/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009	Về việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để tiếp tục thực hiện các chương trình kiên cố hoá kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn giai đoạn 2009 - 2015	2009	2015	Toàn quốc
37	56/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để tiếp tục thực hiện các chương trình kiên cố hoá kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn giai đoạn 2009 - 2015	2009	2015	Toàn quốc
38	497/QĐ-TTg ngày 17/4/2009	hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn	2009		
39	2213/QĐ-TTg ngày 31/12/2009	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 497/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn	2010		
40	09/2012/QĐ-TTg ngày 10/02/2012	Sửa đổi một số điều của Quyết định số 204/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2005 về việc điều chỉnh, bổ sung đối tượng và cơ chế vay vốn xây dựng nhà ở thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long	2012		Các tỉnh ĐBSCL
41	15/2008/QĐ-TTg ngày 23/1/2008	Sửa đổi Quyết định 71/2005/QĐ-TTg về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm	2008		Toàn quốc
42	853/QĐ-TTg ngày 03/6/2011	Điều chỉnh mức cho vay và lãi suất cho vay đối với học sinh, sinh viên	2011		Toàn quốc
43	1196/QĐ-TTg ngày 19/7/2013	Điều chỉnh mức cho vay đối với học sinh, sinh viên	2013		Toàn quốc
44	1826/QĐ-TTg ngày 9/10/2013	Điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội	2013		Toàn quốc
45	872/QĐ-TTg ngày 06/6/2014	Về điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội	2014		Toàn quốc

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
46	750/QĐ-TTg ngày 1/6/2015	Về điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng chính sách xã hội	2015		Toàn quốc
47	62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004	Về tín dụng thực hiện chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	2004		Toàn quốc
48	18/2014/QĐ-TTg ngày 03/3/2014	Bổ sung Điều 3 Quyết định 62/2004/QĐ-TTg về tín dụng thực hiện chiến lược cấp nước sạch và VSMT	2014		Toàn quốc
49	29/201/QĐ-TTg ngày 26/4/2014	Tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị cai nghiện các dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương	2014		Toàn quốc
II	Nhóm chính sách giảm nghèo, đào tạo nghề và giải quyết việc làm (gồm 27 Chính sách được thể chế bằng 36 Quyết định của TTCP, trong đó có 4 QĐ sửa đổi)				
1	800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010	Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020	2010	2020	Toàn quốc
2	695/QĐ-TTg ngày 8/6/2012	Sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020	2012	2020	Toàn quốc
3	342/QĐ-TTg ngày 20/2/2013	Sửa đổi bổ sung một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới	2013		
4	498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013	Bổ sung cơ chế đầu tư chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010 -2020	2010	2020	
5	1200/QĐ-TTg ngày 31/8/2012	Phê duyệt Khung kế hoạch triển khai Nghị quyết 80/NQ-CP về Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến 2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	2012		Toàn quốc
6	2324/QĐ-TTg ngày 19/12/2014	Ban hành Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020	2014		Toàn quốc
7	1489/QĐ-TTg ngày 8/10/2012	Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015	2012		Toàn quốc
8	09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011	Ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015	2011	2015	Toàn quốc
9	551/QĐ-TTg ngày 04/04/2013	Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn	2013	2015	Toàn quốc
10	2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013	Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	2013		Toàn quốc
11	11/2015/QĐ-TTg ngày 3/4/2015	Quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được giao (cấp) không đúng thẩm quyền trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo	2015		Toàn quốc
12	755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013	Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK	2013	2015	Toàn quốc
13	102/2009/QĐ-TTg ngày 7/8/2009	Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo khó vùng khó khăn	2009		Toàn quốc
14	33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015	Chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo QĐ 168/2008/QĐ-TTg giai đoạn II)			Toàn quốc
15	81/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005	Về danh sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn	2005		Toàn quốc
16	267/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005	Chính sách dạy nghề đối với học sinh dân tộc thiểu số nội trú áp dụng rộng rãi trong cả nước	2005		Toàn quốc
17	295/QĐ-TTg ngày 26/02/2010	Phê duyệt đề án "Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010 - 2015"	2010	2015	Toàn quốc
18	1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009	Phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"	2009	2020	Toàn quốc
19	971/QĐ-TTg ngày 1/7/2015	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"	2015	2020	Toàn quốc
20	71/2009/QĐ-TTg ngày 29/04/2009	Phê duyệt Đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009-2020	2009	2020	Toàn quốc
21	42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012	Về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn	2012		Vùng ĐBKK toàn quốc

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
22	52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012	Về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho lao động bị thu hồi đất nông nghiệp	2012		Toàn quốc
23	630/QĐ-TTg ngày 29/5/2012	Phê duyệt chiến lược dạy nghề thời kỳ 2011-2015	2011	2015	Toàn quốc
24	1201/QĐ-TTg ngày 31/8/2012	Phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề giai đoạn 2012-2015	2012		Toàn quốc
25	1465/QĐ-TTg ngày 21/8/2013	Thực hiện thi điểm kỹ quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc	2013	2018	Toàn quốc
*	Chính sách định canh, định cư, bố trí sắp xếp dân cư				
26	1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012	Phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020	2013	2015	Toàn quốc
27	49/2008/QĐ-TTg ngày 22/4/2008	Quy hoạch ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Lào vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2015;	2008	2015	Các xã biên giới Việt - Lào
28	33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013	Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015	2013	2015	Toàn quốc
29	1179/2009/QĐ-TTg ngày 10/8/2009	Quy hoạch bố trí ổn định dân cư các xã biên giới Việt Nam - Lào thuộc các tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và Kon Tum đến năm 2015	2009	2015	Các xã biên giới Việt - Lào thuộc các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và Kon Tum
30	1178/2009/QĐ-TTg ngày 10/8/2009	Quy hoạch bố trí ổn định dân cư các xã biên giới Việt Nam - Campuchia đến năm 2015	2009	2015	Các xã biên giới Việt - Campuchia
31	34/2010/QĐ-TTg ngày 8/4/2010	Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện	2010		Các dự án thủy lợi, thủy điện
32	246/QĐ-TTg ngày 29/02/2008	Cơ chế đặc thù về thu hồi đất; giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp cho các hộ dân tái định cư dự án thủy điện Sơn La	2008		Các hộ dân tái định cư dự án thủy điện Sơn La
33	45/QĐ-TTg ngày 11/01/2010	Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 246/QĐ-TTg ngày 29 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế đặc thù về thu hồi đất; giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp cho các hộ dân tái định cư Dự án Thủy điện Sơn La	2010		Các hộ dân tái định cư dự án thủy điện Sơn La
34	801/QĐ-TTg ngày 04/06/2010	Phê duyệt Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư dự án thủy điện Sơn La	2010		Sơn La, Điện Biên, Lai Châu
35	79/2005/QĐ-TTg ngày 15/4/2005	Quy hoạch sắp xếp ổn định dân cư biên giới Việt - Lào - Campuchia	2005		Các tỉnh biên giới Việt - Lào, Việt - Campuchia
36	64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014	Về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện	2014		Toàn quốc
III Nhóm chính sách về Giáo dục đào tạo (gồm 15 Chính sách được thể chế qua 16 Quyết định của TTCP, trong đó có 01 QĐ sửa đổi)					
1	244/2005/QĐ-TTg ngày 6/10/2005	Chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục trường TH cơ sở, TH phổ thông, các TT KT tổng hợp hướng nghiệp, TTGD thường xuyên, dạy nghề ở miền núi hải đảo, vùng sâu, vùng xa;	2005		Khu vực miền núi hải đảo, vùng sâu, vùng xa
2	82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006	Về Điều chỉnh mức học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học.	2006		Các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học
3	152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007	Về học bổng chính sách đối với học sinh sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2007		Toàn quốc
4	85/2010/QĐ-TTg ngày 12/10/2010	Về chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú.	2011		Toàn quốc
5	1640/QĐ-TTg ngày 21/9/2011	Phê duyệt Đề án Củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011 - 2015	2011	2015	Toàn quốc
6	2123/QĐ-TTg ngày 22/11/2010	Phê duyệt Đề án phát triển giáo dục đối với các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2011 - 2015	2011	2015	Toàn quốc
7	60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011	Quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015	2011	2015	Toàn quốc
8	239/QĐ-TTg ngày 09/2/2010	Phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-2015	2010	2015	Toàn quốc

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
9	66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013	Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học	2013		Toàn quốc
10	15/2010/QĐ-TTg ngày 3/3/2010	Về phụ cấp dạy lớp ghép đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập	2010		Toàn quốc
11	12/QĐ-TTg ngày 14/1/2013	Quy định chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn	2013		Toàn quốc
12	36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013	Hỗ trợ gạo cho học sinh các trường khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	2013		Vùng khó khăn
13	89/QĐ-TTg ngày 9/1/2013	Phê duyệt đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020	2012	2020	Toàn quốc
14	629/QĐ-TTg ngày 4/5/2013	Phê duyệt đề án xóa mù chữ đến năm 2020	2013		Toàn quốc
15	1210/QĐ-TTg ngày 5/9/2012	Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012 - 2015 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	2012		Toàn quốc
16	12/2013/QĐ-TTg ngày 21/01/2013	Quy định chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	2013		Toàn quốc
IV	Nhóm chính sách về Y tế, dân số, chăm sóc sức khỏe (gồm 9 Chính sách được thể chế bằng 11 QĐ của TTCP, trong đó có 01 QĐ sửa đổi)				
1	705/QĐ-TTg ngày 8/5/2013	Nâng mức hỗ trợ Bảo hiểm y tế cho một số đối tượng thuộc hộ gia đình cận nghèo	2013		
2	797/QĐ-TTg ngày 26/06/2012	Nâng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo	2012		Toàn quốc
3	139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002	Về khám chữa bệnh cho người nghèo	2002		Toàn quốc
4	14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám chữa bệnh cho người nghèo	2012		Toàn quốc
5	498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015	Phê duyệt đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS giai đoạn 2015 - 2020	2015	2020	Vùng Đồng bào DTTS
6	08/2015/QĐ-TTg ngày 09/3/2015	Thi điểm về giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và đề nghị cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế	2015		Toàn quốc
7	47/2008/QĐ-TTg ngày 2/4/2008	phê duyệt đề án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện và Bệnh viện đa khoa khu vực liên huyện sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn hợp pháp khác giai đoạn 2008-2010	2008	2010	Toàn quốc
8	1544/QĐ-TTg ngày 14/11/2007	Đề án đào tạo nhân lực y tế cho vùng khó khăn, vùng núi của các tỉnh thuộc miền núi phía Bắc và miền Trung, vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng Tây Nguyên theo chế độ cử tuyển	2007	2018	Toàn quốc
9	75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009	Quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản	2009		Toàn quốc
10	1920/2011/QĐ-TTg ngày 27/10/2011	Về việc phê duyệt chiến lược quốc gia phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030	2011		Toàn quốc
11	2013/2011/QĐ-TTg ngày 14/1/2011	Về việc phê duyệt chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020	2011		Toàn quốc
V	Nhóm chính sách về bảo tồn và phát triển văn hóa, du lịch, thông tin tuyên truyền (gồm 8 Chính sách được thể chế bằng 13 Quyết định của TTCP, trong đó có 01 QĐ sửa đổi)				
1	1270/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011	Về việc phê duyệt Đề án "Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc Việt Nam đến năm 2020"	2011	2020	Toàn quốc
2	125/2007/QĐ-TTg ngày 31/7/2007	Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2006-2020	2007	2020	Toàn quốc
3	1211/QĐ-TTg ngày 5/9/2012	Chương trình mục tiêu quốc gia về Văn hóa giai đoạn 2012-2015	2012		Toàn quốc
4	581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009	Về việc phê duyệt chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020	2009	2020	Toàn quốc
5	22/QĐ-TTg ngày 05/01/2010	Về việc phê duyệt Đề án "Phát triển văn hóa nông thôn đến năm 2015, định hướng đến năm 2020"	2010	2015	Toàn quốc
6	1598/QĐ-TTg ngày 26/10/2012	Về việc phê duyệt dự án công bố, phổ biến tài sản văn hóa văn nghệ dân gian các dân tộc Việt Nam giai đoạn II (2013-2017)	2013	2017	Toàn quốc
7	65/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008	Về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích	2008		Toàn quốc
8	1643/QĐ-TTg ngày 21/9/2011	Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2011-2015	2011		Toàn quốc

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
9	1212/QĐ-TTg ngày 05/9/2012	Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012-2015	2012	2015	Toàn quốc
10	1668/QĐ-TTg ngày 17/11/2008	Ngày Văn hoá các dân tộc Việt Nam	2008		Toàn quốc
11	1977/QĐ-TTg ngày 30/10/2013	Sửa đổi Quyết định 2472/QĐ-TTg về cấp ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015	2013		Toàn quốc
12	2472/QĐ-TTg ngày 28/12/2011	Về cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015	2011	2015	Toàn quốc
13	1001/QĐ-TTg ngày 27/06/2011	phê duyệt “Chiến lược Quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	2011	2020	Cả nước
VI	Nhóm chính sách về nước sạch, bảo vệ môi trường sinh thái (gồm 05 Chính sách được thể chế bằng 5 Quyết định của TTCP)				
1	366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012	Về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 - 2015	2012	2015	Toàn quốc
2	131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009	Chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn	2009		Toàn quốc
3	104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000	Chiến lược Quốc gia về Cấp nước và Vệ sinh nông thôn đến 2020 (Nhà nước hướng dẫn và trợ cấp cho các gia đình điện chính sách, cho người nghèo, vùng dân tộc ít người và một số vùng đặc biệt khó khăn).	2000	2020	Vùng DT ít người và ĐBKK
4	2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010	Phê duyệt Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025.	2010	2025	Toàn quốc
5	2139/2011/QĐ-TTg ngày 5/12/2011	Về việc phê duyệt chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu	2011		Toàn quốc
VII	Nhóm chính sách về cán bộ người dân tộc thiểu số, người có uy tín (gồm 11 Chính sách được thể chế bằng 16 Quyết định của TTCP, trong đó có 2 QĐ sửa đổi)				
1	579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011	Phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020	2011	2020	Toàn quốc
2	1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011	Phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020	2011	2020	Toàn quốc
3	1758/QĐ-TTg ngày 30/9/2014	Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ tình nguyện về xác xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013 - 2020	2013	2020	Toàn quốc
4	170/QĐ-TTg ngày 26/01/2011	Phê duyệt Dự án thí điểm tuyển chọn 600 trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch UBND xã thuộc 62 huyện nghèo	2011		62 huyện nghèo
5	1097/QĐ-TTg ngày 8/7/2011	Sửa đổi Dự án thí điểm tuyển chọn 600 trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thuộc 62 huyện nghèo được phê duyệt theo Quyết định 170/QĐ-TTg	2011		62 huyện nghèo
6	08/2011/QĐ-TTg ngày 26/1/2011	Về tăng cường cán bộ cho xã thuộc huyện nghèo để thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo do Thủ tướng Chính phủ ban hành	2011		các huyện nghèo
7	70/2009/QĐ-TTg ngày 27/4/2009	Về chính sách luân chuyển, tăng cường cán bộ chủ chốt cho các xã thuộc 61 huyện nghèo và chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về tham gia tổ công tác tại các xã thuộc 61 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ	2009		Các xã thuộc 62 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ
8	567/QĐ-TTg ngày 22/4/2014	Đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức trẻ ở xã giai đoạn 2014 - 2020	2014	2020	Toàn quốc
9	1374/2011/QĐ-TTg ngày 12/8/2011	Về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2011-2015	2011		Toàn quốc
10	56/2006/QĐ-TTg ngày 13/3/2006	Về việc tăng cường có thời hạn cán bộ công chức về các huyện, xã trọng điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số	2006		52 tỉnh
11	2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010	Phê duyệt Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020	2011		Toàn quốc
12	1241/QĐ-TTg ngày 22/7/2011	Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015	2011		Toàn quốc
13	277/2003/QĐ-TTg ngày 13/3/2003	Phê duyệt dự án tổ chức các đơn vị trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn miền núi	2003		Khu vực nông thôn, miền núi
14	1892/QĐ-TTg ngày 14/12/2012	Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực quản lý Nhà nước ngành quản lý đất đai giai đoạn 2011-2020	2012		Toàn Quốc
15	18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011	Quyết định về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	2011		Toàn quốc

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
16	56/2013/QĐ-TTg	Sửa đổi, bổ sung một số Điều Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2011 về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	2013		Toàn quốc
VIII	Nhóm chính sách về Bảo vệ và phát triển rừng (gồm 9 Chính sách được thể chế bằng 13 Quyết định của TTCP, trong đó có 4 QĐ sửa đổi)				
1	75/2015/QĐ-TTg ngày	mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.	2007		Các tỉnh miền núi
2	100/2007/TTg ngày 06/7/2007	Sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 661/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2007 về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.	2007		Các tỉnh miền núi
3	164/2008/QĐ-TTg ngày 11/12/2008	Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 100/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng	2008		Các tỉnh miền núi
4	66/2011/QĐ-TTg ngày 09/12/2011	Sửa đổi bổ sung một số điều Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007-2015	2011		Toàn quốc
5	166/2007/QĐ-TTg ngày 30/10/2007	Ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư và hưởng lợi đối với hộ gia đình, công đồng dân cư thôn và các tổ chức tham gia dự án "Phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên"	2007		
6	146/2005/QĐ-TTg ngày 15/6/2005	Về chính sách thu hồi đất sản xuất của các nông trường, lâm trường để giao cho hộ dân tộc thiểu số nghèo.	2005		Các tỉnh miền núi
7	57/2007/QĐ-TTg ngày 15/6/2007	Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 146/2005/QĐ-TTg về chính sách thu hồi đất của các nông, lâm trường để giao cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo.	2007		
8	57/QĐ-TTg ngày 9/1/2012	Phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	2012		Toàn quốc
9	07/2012/QĐ-TTg ngày 08/2/2012	Ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng	2012		
10	1380/QĐ-TTg ngày 12/8/2011	Phê duyệt Đề án bảo vệ và phát triển rừng vành đai biên giới giai đoạn 2011-2020	2011	2020	Toàn quốc
11	24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012	Về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011 - 2020	2011	2020	Toàn quốc
12	2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014	Phê duyệt Đề án Tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-202	2014		Toàn quốc
13	186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006	Ban hành Quy chế quản lý rừng	2005		Toàn quốc
IX	Nhóm chính sách về Phổ biến giáo dục pháp luật và hỗ trợ pháp lý (gồm 04 Chính sách được thể chế bằng 5 Quyết định của TTP)				
1	40/QĐ-BĐH-PC ngày 30/5/2013	Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số" từ năm 2013 đến năm 2016	2013	2016	Toàn quốc
2	554/QĐ-TTg ngày 04/5/2009	Phê duyệt Đề án "Tuyên truyền phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số từ năm 2009 đến năm 2012"	2009	2012	Người dân nông thôn và đồng bào DTTS
3	52/2010/QĐ-TTg ngày 18/08/2010	Về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo giai đoạn 2011-2020	2011	2020	Toàn quốc
4	678/2011/QĐ-TTg ngày 10/5/2011	Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển trợ giúp pháp lý ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	2011	2030	Toàn quốc
5	59/2012/QĐ-TTg ngày 24/12/2012	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013-2020	2012	2020	Toàn quốc
B	KINH TẾ XÃ HỘI THEO VÙNG, THEO DÂN TỘC				
I	Các chính sách cho vùng, cho khu vực (gồm 35 Chính sách được thể chế bằng 42 Quyết định của TTCP, trong đó có 05 QĐ sửa đổi)				
1	132/2002/QĐ-TTg ngày 08/10/2002	Giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên	2002		Đắc Lắc, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum, Đắc Nông
2	335/2005/QĐ-TTg ngày 16/12/2005	Thành lập phân viện Hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên để đào tạo cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn các tỉnh Tây Nguyên	2005		Các tỉnh Tây Nguyên

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
3	304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2005	Thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên	2005		Đắc Lắc, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum, Đắc Nông
4	2162/QĐ-TTg ngày 11/11/2013	Phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Tây Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"	2013		Vùng Tây Nguyên
5	1951/2011/QĐ-TTg ngày 2/11/2011	Về việc phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề các tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh miền núi của các tỉnh giáp Tây Nguyên giai đoạn 2011-2015	2011		Tỉnh Tây Nguyên
6	334/2005/QĐ-TTg ngày 26/12/2005	Phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch phát triển giao thông vận tải vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010 và định hướng năm 2020.	2005	2020	Khu vực ĐB sông Cửu Long
7	84/2006/QĐ-TTg ngày 19/4/2006	Phê duyệt điều chỉnh bổ sung quy hoạch thủy lợi vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020.	2006	2020	Khu vực đồng bằng sông Cửu Long.
8	1600/QĐ-TTg ngày 15/10/2009	Điều chỉnh mức vay làm nhà ở và mua trả chậm nền nhà ở trong các cụm tuyến dân cư thuộc Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long	2009		Các tỉnh ĐBSCL
9	1033/QĐ-TTg ngày 30/6/2011	Phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011-2015	2011	2015	các tỉnh ĐBSCL
10	29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013	Chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015	2013	2015	các tỉnh ĐBSCL
11	QĐ 850/QĐ-TTg ngày 22/4/2014	Chính sách hỗ trợ giống để chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng màu tại ĐBSCL	2014		ĐBSCL
12	105/2002/QĐ-TTg ngày 2/8/2002	Về chính sách cho các hộ dân vùng ngập lũ mua nhà trả chậm nền nhà và nhà ở trong các cụm, tuyến dân cư ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long	2002		Các tỉnh ĐBSCL
13	257/2003/QĐ-TTg ngày 3/12/2003	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	2003		Vùng bãi ngang ven biển, hải đảo
14	185/2005/QĐ-TTg ngày 24/3/2005	Phê duyệt Dự án tăng cường cung cấp thông tin khoa học công nghệ cho thanh niên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh biên giới miền núi phía Bắc	2005		Khu vực các tỉnh biên giới phía Bắc
15	1064/QĐ-TTg ngày 8/7/2013	Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và Miền núi phía Bắc đến năm 2020	2013		Trung du và Miền núi phía Bắc
16	980/QĐ-TTg ngày 21/06/2013	Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030	2013		Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ
17	2161/QĐ-TTg ngày 11/11/2013	Phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"	2013		Bắc Trung Bộ
18	570/QĐ-TTg ngày 17/5/2012	Về việc phê duyệt Quy hoạch bố trí ổn định dân cư các xã biên giới Việt-Trung giai đoạn 2012- 2017	2012	2017	Các xã biên giới Việt-Trung
19	119/QĐ-TTg ngày 01/01/2009	Bảo vệ và phát triển 4 huyện vùng cao núi đá tỉnh Hà Giang	2009		Hà Giang
20	823/QĐ-TTg ngày 30/05/2014	Hỗ trợ lương thực cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	2014		Lục Ngạn - Bắc Giang
21	1588/QĐ-TTg ngày 09/10/2009	Phê duyệt Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân sông Đà, tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2009 - 2015.	2009	2015	Hòa Bình
22	615/2011/QĐ-TTg ngày 25/4/2011	Hỗ trợ vốn đầu tư phát triển cho mỗi huyện bằng 70% mức bình quân của các huyện theo Nghị quyết 30a tại cấp huyện và xã cho trường học	2011		Huyện Võ Nai - Thái Nguyên và Huyện Vũ Quang - Hà Tĩnh
23	1379/2011/QĐ-TTg ngày 12/8/2011	Về việc công nhận xã an toàn khu thuộc tỉnh Thái Nguyên và phê duyệt đề án định hướng đầu tư phát triển kinh tế xã hội vùng căn cứ cách mạng	2011		Thái Nguyên
24	61/2008/QĐ-TTg ngày 09/05/2008	Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội dải ven biển miền Trung Việt Nam đến năm 2020	2008	2020	Dải ven biển miền Trung Việt Nam
25	1955/QĐ-TTg ngày 27/11/2009	Về việc phê duyệt Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020"	2009	2020	Thừa Thiên Huế
26	1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2013	Về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề các tỉnh vùng trung du, miền núi phía Bắc và các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2013 - 2020	2013		Vùng trung du, miền núi phía Bắc và các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An
27	1114/QĐ-TTg ngày 09/07/2013	Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2020	2013		Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung
28	48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014	Chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão lụt khu vực miền trung	2014		Các tỉnh khu vực miền Trung

TT	Số, cơ quan ban hành, trích yếu	Nội dung	Thời gian thực hiện		Địa bàn thực hiện/cơ quan quản lý
			Bắt đầu	Kết thúc	
29	716/2012/QĐ-TTg ngày 14/6/2012	Về triển khai thi điểm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở, ứng phó với lũ, lụt vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung	2012		Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung
30	1874/QĐ-TTg ngày 13/10/2014	Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	2014		Miền Trung
31	943/QĐ-TTg ngày 20/07/2012	Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020	2012		Vùng Đông Nam Bộ
32	795/QĐ-TTg ngày 23/05/2013	Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành	2013		Đồng bằng Sông Hồng
33	92/2005/QĐ-TTg ngày 29/4/2005	Thực hiện chế độ đối với quân nhân là dân tộc ít người thuộc Quân khu 7 và Quân khu 9 tham gia kháng chiến chống Mỹ về địa phương nước ngày 10/1/1982	2005		Quân khu 7,9
34	93/QĐ-TTg ngày 10/07/2009	Sửa đổi, bổ sung khoản 4 điều 21 Quyết định số 33/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 03 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu	2009		Các cửa khẩu
35	18/2009/QĐ-TTg ngày 03/02/2009	Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển Việt Nam thuộc Vịnh Thái Lan thời kỳ đến năm 2020	2009	2020	Cà Mau, Kiên Giang
36	287/QĐ-TTg ngày 25/02/2014	Sửa đổi Dự án "Giảm nghèo thông qua phát triển chăn nuôi ở vùng miền núi phía Bắc Việt Nam, giai đoạn III" sử dụng vốn ODA không hoàn lại của Thụy Sĩ	2014		Vùng núi phía Bắc
37	475/QĐ-TTg ngày 07/04/2014	Về việc điều chỉnh phân bổ vốn vay theo hiệp định tài trợ số 810-VN cho dự án 3EM giữa Việt Nam với IFAD.	2014		Đắk Nông
38	2214/QĐ-TTg, ngày 18/11/2013	Phê duyệt Đề án Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số	2013		Toàn quốc
39	449/QĐ-TTg, ngày 12/03/2013	Phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020	2013	2020	Toàn quốc
40	2356/QĐ-TTg, ngày 04/12/2013	Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020	2013	2020	Toàn quốc
41	2406/QĐ-TTg ngày 18/12/2011	Ban hành Danh mục Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012-2015	2012	2015	Toàn quốc
42	1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014	Về Danh mục đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn do Thủ tướng Chính phủ ban hành	2014		Toàn quốc
II	Các chính sách cho các dân tộc cụ thể (01 Chính sách và Quyết định)				
1	1672/QĐ-TTg	Phê duyệt Đề án "phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao"	2011	2020	Lai Châu, Điện Biên và Hà Giang

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÁC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC DO ỦY BAN DÂN TỘC CHỦ TRÌ, QUẢN LÝ
THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2011-2015**

(Kèm theo dự thảo báo cáo tổng kết các chính sách dân tộc giai đoạn 2016 -2020, ngày tháng năm của Ủy ban Dân tộc)

STT	Nội dung	Kinh phí (Tỷ đồng)					Khối lượng			Đơn vị tính	Ghi chú
		Nhu cầu	Đã phân bổ	Đã thực hiện đến 2015	Tỷ lệ vốn cấp so với nhu cầu (%)	Tỷ lệ vốn đã thực hiện so với vốn đã cấp (%)	Nhu cầu	Đã thực hiện đến năm 2015	Tỷ lệ thực hiện (%)		
I	Chương trình 135 giai đoạn 2011-2015										
-	Chương trình 135 giai đoạn II										
	Năm 2011	3,214.49	3,214.49	3,214.49	100.00	100.00					
	Xây dựng cơ sở hạ tầng	2,263.20	2,263.20	2,263.20							
	Hỗ trợ phát triển sản xuất	651.95	651.95	651.95							Khối lượng thực hiện CT 135 từ 2011 - 2015 hiện nay vẫn đang tổng hợp, số liệu của các tỉnh gửi chưa đầy đủ.
	Đào tạo nâng cao năng lực	143.90	143.90	143.89							
	Duy tu bảo dưỡng	142.58	142.58	142.58							
	Quản lý giám sát đánh giá	12.87	12.87	12.87							
-	Quyết định 1489/QĐ-TTg, ngày 08/10/2012 Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015										
	Thực hiện dự án 2: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng 2 năm 2012 - 2013	4,757.20	4,757.20	4,757.20	100.00	100.00			8,959		Công trình
-	Quyết định 551/QĐ-TTg ngày 04 tháng 04 năm 2013 Phê duyệt chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn bản DBKK. Thực hiện năm 2014 - 2015										
	Tổng	17,509.19	7,790.48	7,438.67	44.49	95.48					Kinh phí và số lượng thực hiện
	Hỗ trợ đầu tư xây dựng CSHT		5,940.76	5,727.26					9,911		Công trình

STT	Nội dung	Kinh phí (Tỷ đồng)					Khối lượng					Ghi chú
		Nhu cầu	Đã phân bổ	Đã thực hiện đến 2015	Tỷ lệ vốn cấp so với nhu cầu (%)	Tỷ lệ vốn đã thực hiện so với vốn đã cấp (%)	Nhu cầu	Đã thực hiện đến năm 2015	Tỷ lệ thực hiện (%)	Đơn vị tính		
	Hỗ trợ phát triển sản xuất		1,849.72	1,711.41			334,412		Hộ hưởng lợi			
II	Quyết định 1592/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2009 Về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn											
	Tổng	7,911.81	1,050	1,050	13.27%	100%						
-	Nước sinh hoạt tập trung						910		Công trình			
-	Nước sinh hoạt phân tán						21,379		Hộ			
-	Đất sản xuất						2,738		ha			
-	Chuyên đổi nghề						108		Hộ			
III	Quyết định 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 05 năm 2013 Phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK											
	Tổng	11,754.91	2,302.60	422.58	19.59	18.35					Đã tính kinh phí bổ sung thêm 1.350 tỷ đồng năm 2015	
-	Nước SHTT	3,971.97		252.60			3,055	323	10.57	Công trình		
-	Nước SHPT	421.97		57.18			324,594	45,143	13.91	Hộ		
-	Đất sản xuất	3,494.91		66.55			114,322	7,198	6.30	Hộ		
-	Đất ở	272.60										
-	Chuyên đổi nghề, mua sắm máy móc nông cụ	2,636.02		46.24			122,327	46,242	37.80	Hộ		

STT	Nội dung	Kinh phí (Tỷ đồng)					Khối lượng				Đơn vị tính	Ghi chú
		Nhu cầu	Đã phân bổ	Đã thực hiện đến 2015	Tỷ lệ vốn cấp so với nhu cầu (%)	Tỷ lệ vốn đã thực hiện so với vốn đã cấp (%)	Nhu cầu	Đã thực hiện đến năm 2015	Tỷ lệ thực hiện (%)			
	Trồng rừng, khoanh nuôi BVR	356,43										
	Xuất khẩu lao động	288,68										
	Học nghề	312,33										

IV Quyết định 29/2013/QĐ-TTg ngày 20 tháng 05 năm 2013 về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015

	Tổng	578.347	642.55	0.148	111	0							
-	Vốn hỗ trợ đất ở	239,09		0,094					2,916			hộ	728.711,6 ha
-	Vốn chuộc lại đất sản xuất	129,63		0,030					1,042			hộ	120,02 ha (tỉnh Trà Vinh)
-	Vốn vay để tạo việc làm, phát triển sản xuất	209,63		0,024					3,591			hộ	

V Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 4 tháng 6 năm 2013 về tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số.

	Tổng	2,144	2,144	1,767	100	82,42							
-	Số hộ đã bố trí thực hiện định canh định cư								24,118	19,500	80,85		
-	Số khâu đã bố trí thực hiện định canh định cư								116,513	91,500	78,53		Khối lượng thực hiện tính đến tháng 6/2015
-	Số dự án ĐCĐC xen ghép đã hoàn thành								44	33	75,00		
-	Số dự án ĐCĐC tập trung đã hoàn thành								233	130	55,79		

VI Quyết định 102/2009/QĐĐ-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2009 Về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng KK

STT	Nội dung	Kinh phí (Tỷ đồng)					Khối lượng				Đơn vị tính	Ghi chú	
		Nhu cầu	Đã phân bổ	Đã thực hiện đến 2015	Tỷ lệ vốn cấp so với nhu cầu (%)	Tỷ lệ vốn đã thực hiện so với vốn đã cấp (%)	Nhu cầu	Đã thực hiện đến năm 2015	Tỷ lệ thực hiện (%)				
	Tổng	3,068.52	3,068.52	2,904.36	100	94.65		32,472.929			Lượt người		
VII	Quyết định 1672/QĐ-TTg ngày 26 tháng 09 năm 2011 Về việc phê duyệt đề án "phát triển kinh tế xã hội vùng các dân tộc: Mông, La Hủ, Cống, Cơ Lao"												
	Tổng	399.84	237.67	138.512	59.44	58.28%	307	29	9.4%				
-	Tỉnh Hà Giang		39.50	39.07			48	13	27.1%	công trình			01 bê chứa, 02 đường điện sinh hoạt, 01 nhà mẫu giáo, 03 nhà sinh hoạt cộng đồng, đang thi công 05 công trình đường và 01 cầu treo.

STT	Nội dung	Kinh phí (Tỷ đồng)						Khối lượng			Đơn vị tỉnh	Ghi chú
		Nhu cầu	Đã phân bổ	Đã thực hiện đến 2015	Tỷ lệ vốn cấp so với nhu cầu(%)	Tỷ lệ vốn đã thực hiện so với vốn đã cấp (%)	Nhu cầu	Đã thực hiện đến năm 2015	Tỷ lệ thực hiện(%)			
-	Tỉnh Điện Biên		36.66	33.442			36	4	11.1%	công trình đang thi công	01 cầu treo đã hoàn thành, 03 công trình đang đang thi công	
-	Tỉnh Lai Châu		161.51	66			223	12	5.4%	công trình đang thi công	đã hoàn thành 07 công trình đường, 01 công trình thủy lợi và đang thi công 04 công trình đường	
VIII												
<i>Quyết định 54/2012/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2012 về chỉnh sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 – 2015</i>												
	Tổng	2,195.81	1,110.95	0.213	50.59	95.97	274,910	27,660	10	Hộ	Ti lệ KP thực hiện tình theo KP đã giải ngân và KP đã thu hồi QĐ 32 đến tháng 6/2015	
IX												
<i>Quyết định 975/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2006, Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 và Quyết định 1977/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2013 về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015.</i>												
		825.71	825.71	823.28			159,803,479	159,803,479				
1	Báo Dân tộc và Phát triển						16,263,747	16,263,747			Tờ	
2	Báo Văn hoá						16,526,912	16,526,912			Tờ	
3	Báo Tin tức (Thông tấn xã Việt Nam)						28,590,830	28,590,830			Tờ	
4	Báo Nông thôn ngày nay						31,582,274	31,582,274			Tờ	
5	Chuyên đề DTMN Báo Sức khỏe và Đời sống						2,574,702	2,574,702			Quản	

STT	Nội dung	Kinh phí (Tỷ đồng)						Khối lượng				Ghi chú
		Nhu cầu	Đã phân bổ	Đã thực hiện đến 2015	Tỷ lệ vốn cấp so với nhu cầu (%)	Tỷ lệ vốn đã thực hiện so với vốn đã cấp (%)	Nhu cầu	Đã thực hiện đến năm 2015	Tỷ lệ thực hiện (%)	Đơn vị tính		
6	Chuyên đề DTMN Báo Khoa học và Đời sống						2,588,898	2,588,898			Cuốn	
7	Chuyên đề DTMN Báo Công thương						1,590,862	1,590,862			Cuốn	
8	Chuyên đề DTMN Báo Nông nghiệp Việt Nam						2,574,702	2,574,702			Cuốn	
9	Chuyên đề DTMN Báo Lao động và Xã hội						2,804,334	2,804,334			Cuốn	
10	Chuyên đề DTMN Báo Đại đoàn kết						4,775,342	4,775,342			Cuốn	
11	Chuyên đề DTMN Báo Phụ nữ Việt Nam						6,462,872	6,462,872			Cuốn	
12	Tạp chí Dân tộc						291,558	291,558			Cuốn	
13	Tạp chí Văn hóa các Dân tộc						339,588	339,588			Cuốn	
14	Chuyên đề DTMN Báo Khuyến học và Dân trí						603,694	603,694			Cuốn	
15	Chuyên đề DTMN Báo Tài nguyên và Môi trường						603,694	603,694			Cuốn	
16	Chuyên đề DTMN Báo Pháp luật Việt Nam						603,694	603,694			Cuốn	
17	Chuyên đề Măng non (báo Nhi đồng và Hoa mi):						16,431,594	16,431,594			Cuốn	
18	Chuyên đề Thiểu nhi dân tộc (Báo Thiểu niên tiên phong):						10,592,514	10,592,514			Tờ	
19	Phụ trương An ninh biên giới (Báo Biên phòng):						2,642,978	2,642,978			Tờ	
20	Trang chuyên đề (Báo nhân dân)						6,743,880	6,743,880			Tờ	

STT	Nội dung	Kinh phí (Tỷ đồng)						Khối lượng				Ghi chú	
		Nhu cầu	Đã phân bổ	Đã thực hiện đến 2015	Tỷ lệ vốn cấp so với nhu cầu(%)	Tỷ lệ vốn đã thực hiện so với vốn đã cấp (%)	Nhu cầu	Đã thực hiện đến năm 2015	Tỷ lệ thực hiện(%)	Đơn vị tính			
21	CĐ Đoàn kết và phát triển Tạp chí CS						1,556,856			Tờ			
22	Báo Tiền phong						1,837,160			Tờ			
23	CĐ DTTS và MN, Tạp chí Thuế nhà nước						236,496			Tờ			
24	Thông tin CCB						574,284			Tờ			
X	Quyết định số: 18/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2011 và Quyết định 56/2013/QĐ-TTg ngày 7 tháng 10 năm 2013 về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.												
	Tổng kinh phí			63.638									
	Tổ chức cung cấp thông tin cho người uy tín thông qua tổ chức Hội nghị phổ biến, tập huấn bồi dưỡng, tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm									Cuộc/lượt người	2,844/93,772		
	Cấp báo, tạp chí									Tờ	71,029		
	Thăm hỏi hỗ trợ vật chất người uy tín nhân dịp Tết, khi ốm đau hoạn nạn									lần/người	8,572/105,684		
	Khen thưởng NCUT									người Đoàn	5,193		
	Tiếp đoàn người uy tín đến UBND									/người	86/3,688		
	Tổng kinh phí của các chính sách	54,359.814	27,144.170	22,580.081	49.934	83.186							

Tổng hợp kết quả thực hiện chính sách từ năm 2011-2014 của 43/52 tỉnh, thành phố